

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022





học: **Thực tập phay 3 (227147) - Nhóm 01**





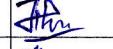
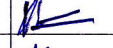
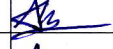
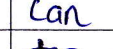
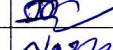
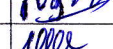
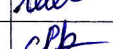


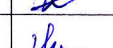



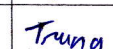

D: **Nguyễn Thanh Tâm (270007)**

Số SV có mặt: 19.....

Số bài thi: 19.....

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Ngọc Trọng	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Văn Tâm	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Ngọc Trọng	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn Tâm
--	---	---	--

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2120060003	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	16/11/2000	CCQ2004A				6,8	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040027	VÕ VĂN ĐỘ	05/06/2002	CCQ2004A				7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040001	HOÀNG MẠNH ĐỨC	02/06/2002	CCQ2004A				7,8	8,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040028	HOÀNG ĐỨC HẢI	08/10/2002	CCQ2004A				7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040005	ĐỖ VĂN HOÀNG	25/12/2001	CCQ2004A				7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040006	LÊ VIỆT KHẢI	20/12/2000	CCQ2004A				6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120170745	LÊ NGUYỄN ANH KHOA	11/03/2002	CCQ2004A				6,8	7,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040029	PHẠM CÔNG LÂN	29/01/1998	CCQ2004A				7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040007	NGUYỄN HOÀNG LONG	17/11/2002	CCQ2004A				7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040008	NGUYỄN NGỌC NGON	28/04/2002	CCQ2004A				6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040009	HUỖNH TRẦN PHÁP	10/04/2001	CCQ2004A				7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040024	TRẦN HOÀNG PHÚC	19/01/2002	CCQ2004A				6,8	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040030	BÙI KHẮC TÀI	09/06/2002	CCQ2004A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040032	TÀI ĐẠI THOẢNG	28/08/2002	CCQ2004A				7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040014	CỬ TẤN THỦ	07/10/2001	CCQ2004A				7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040015	HUỖNH VĂN THÚY	17/06/2002	CCQ2004A				7,3	7,5	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040017	TRẦN QUỐC TOÀN	24/02/2002	CCQ2004A				6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040026	NGUYỄN TÔ NI	27/12/2002	CCQ2004A				7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040019	NGUYỄN THÀNH TRUNG	28/04/2002	CCQ2004A				7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2120040020	HUỖNH QUANG TRUYỀN	09/07/2000	CCQ2004A				6,3	6,5	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9